

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23/12/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Mây

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hợi và bà Dương Thị Nam

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên: Ông Bùi Việt Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 87/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 về việc Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị L, sinh năm 1982 – có mặt

Nơi cư trú: Xóm X, xã B, TP S, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1979 – có mặt

Nơi cư trú: Xóm C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2022 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày như sau:

Nguyên đơn chị Dương Thị L: Chị với anh Nguyễn Văn S có tìm hiểu nhau, sống chung như vợ chồng từ năm 2000 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, nhưng đến nay anh chị vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi cưới chị về nhà anh S làm dâu, chung sống cùng gia đình chồng, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, sau đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không tìm được tiến nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về mọi mặt, từ sinh hoạt trong gia đình, chăm lo cho con cái, đến chuyện làm ăn kinh tế. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Nguyễn Văn S.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị L, sinh ngày 23/7/2001 và Nguyễn Văn V, sinh ngày 30/9/2007. Cháu L đã trưởng thành và

lập gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay còn cháu V dưới 18 tuổi, nên khi hai vợ chồng không còn chung sống cùng nhau chị nhất trí để anh S nuôi con vì hiện nay cháu V đang ở ổn định cùng bố, chị không muốn thay đổi cuộc sống của cháu. Chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng anh S 750.000 đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tùy theo thu nhập của chị không ấn định trong bản án.

Về tài sản chung: Chị L và anh S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Về công nợ chung và các khoản cho vay: Chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn S trình bày: Anh và chị L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới từ năm 2000 nhưng đến nay vẫn chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật như chị L trình bày là đúng. Trong cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2007 anh đi chấp hành án thì chị L ở nhà rồi tự bỏ đi khỏi nhà anh, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L đề nghị chia tay nhau anh nhất trí vì tình cảm vợ chồng đã hết.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị L, sinh ngày 23/7/2001 và Nguyễn Văn V, sinh ngày 30/9/2007. Cháu L đã trưởng thành và lập gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn anh có nguyện vọng muốn trực tiếp nuôi cháu V và nhất trí chị L cấp dưỡng nuôi con cùng anh là 750.000 đ/tháng, nhưng tháng nào phải chuyển tiền ngay tháng đó cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Về công nợ chung và các khoản cho vay: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến cháu V: Cháu có mẹ là Dương Thị L và bố là Nguyễn Văn S, bố mẹ cháu hay mâu thuẫn, cãi nhau, nếu bố mẹ cháu không chung sống cùng nhau thì cháu xin được ở cùng bố.

Do vụ án không được hoà giải và công nhận sự thoả thuận của các đương sự về quan hệ hôn nhân nên Toà án đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa hai bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai người.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, không có vi phạm gì.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh S.

Về con chung: Giao anh Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Văn V, sinh ngày 30/9/2007 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa hai bên thống nhất được mức cấp dưỡng nuôi con là 750.000đ/tháng và thời gian cấp dưỡng là khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận của hai bên phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét;

Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí DSST về cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn; Bị đơn cư trú tại xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị L và anh Nguyễn Văn S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục nhưng cho đến nay vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật. Xét thấy:

Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý”.

Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”.

Như vậy việc chung sống như vợ chồng giữa chị Dương Thị L và anh Nguyễn Văn S không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống, chị Dương Thị L và anh Nguyễn Văn S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân hoàn toàn từ cuối năm 2012. Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị L, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Dương Thị L và anh Nguyễn Văn S là phù hợp thực tế và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình.

-Về quyền nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh S thỏa thuận anh S trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Văn V, sinh ngày 30/9/2007, xét thỏa thuận này không trái quy định pháp luật và phù hợp với thực tế là hiện nay cháu V đang ở với bố và bản thân V có nguyện vọng muốn ở với bố nên Hội đồng xét xử thấy cần ghi nhận sự thỏa thuận về con chung của hai bên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng anh S 750.000 đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh S nhất trí. Thời điểm cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

Về quyền thăm nom con: Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay: Chị Dương Thị L và anh Nguyễn Văn S đều xác định không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn là chị Dương Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí DSST về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật;

[4]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ áp dụng pháp luật:

- Khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 273, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Dương Thị L:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Dương Thị L và anh Nguyễn Văn S.

2. *Về quyền nuôi con chung:* Giao cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là Nguyễn Văn V, sinh ngày 30/9/2007 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng anh S 750.000 đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Nguyễn Văn S có đơn yêu cầu thi hành án, chị Dương Thị L không tự nguyện thi hành được khoản tiền

cấp dưỡng nuôi con trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS.

Về quyền thăm nom con: Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay:* Chị L và anh S tự thỏa thuận. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Dương Thị L phải chịu án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ - Biên lai số0002809 ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Chị Dương Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về cấp dưỡng nuôi con nộp sung quỹ nhà nước

5. *Thông báo quyền kháng cáo:* Án xét xử công khai, có mặt nguyên đơn và bị đơn. Báo cho những người này biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên bản án./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên (01 bản);
- VKS ND huyện, tỉnh (02 bản);
- T.H.A DS huyện (01 bản);
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP, bộ phận;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Mây

